

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index giao dịch giằng co quanh ngưỡng 1,240 cả ngày hôm nay trước khi đóng cửa tại mốc 1,241.97 điểm, đi ngang so với hôm qua. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tiêu cực với 12/18 ngành giảm điểm, trong đó ngành Dịch vụ tài chính, Dầu khí, Bất động sản dẫn đầu đà giảm. Ở chiều ngược lại, ngành Công nghệ thông tin tăng mạnh gần 3%. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này mua ròng trên cả hai sàn HSX và HNX. Trong ngắn hạn, VN-Index vẫn còn tiềm năng trở về ngưỡng 1,265,tuy nhiên áp lực chốt lời luôn hiện hữu trong quá trình tiến đến ngưỡng kháng cự mạnh này.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LẠI

Các HĐTL tăng theo vận động của VN30 ngoại trừ VN30F20506, VN30F2503.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 27/11/2024, các chứng quyền biến động theo nhịp điều chỉnh của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **-0.16** điểm, đóng cửa tại **1241.97** điểm. HNX-Index **-0.61** điểm, đóng cửa tại **223.09** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **FPT (+1.36)**, **VCB (+0.40)**, **LPB (+0.25)**, **EIB (+0.19)**, **BID (+0.14)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VHM (-0.49)**, **VIC (-0.28)**, **CTG (-0.19)**, **GAS (-0.17)**, **SSI (-0.14)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **9,230** tỷ đồng, giảm **-17.73%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 11,322 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 6.11 điểm. Thị trường có **125** mã tăng, 89 mã tham chiếu, **236** mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **339.16** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **FPT (678.30 tỷ)**, **MSN (65.56 tỷ)**, **VNM (42.41 tỷ)**, **POW (22.48 tỷ)**, **BID (18.71 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **13.34** tỷ đồng.

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,241.97	223.09	91.96
% 1D	-0.01%	-0.27%	-0.11%
GTGD (tỷ VND)	9,230	511	462
%1D	-17.73%	-30.29%	-3.24%
GDNN (tỷ VND)	339.16	13.34	-8.75

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
FPT	678.30	HPG	-69.92
MSN	65.56	DCM	-47.05
VNM	42.41	VRE	-43.57
POW	22.48	SSI	-39.69
BID	18.71	DGC	-36.10

Thị trường thế giới

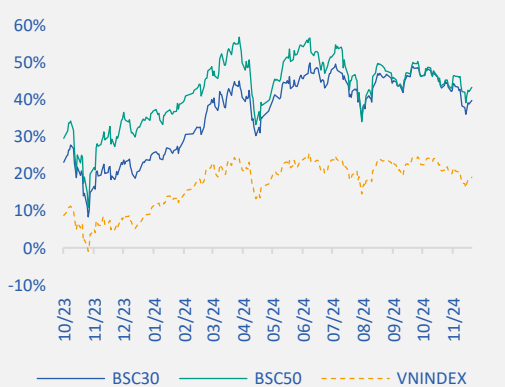
		%D	%W
SPX	6,022	0.57%	1.77%
FTSE100	8,278	0.23%	2.38%
Eurostoxx	4,724	-1.15%	-0.17%
Shanghai	3,310	1.53%	-1.73%
Nikkei	38,112	-0.78%	-0.68%

Nguồn: Bloomberg

	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	72.30	-0.03%
Giá vàng	2,632	
Tỷ giá		
USD/VND	25,509	
EUR/VND	27,399	0.37%
JPY/VND	169	0.60%
Lãi suất		
LS TPCP 10Y	2.8%	0.01%
LS LNH 1M	4.9%	

Nguồn: BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



Nguồn: BSC tổng hợp

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thống kê thị trường	Trang 2
Danh mục BSC30	Trang 3
Danh mục BSC50	Trang 4
Báo cáo mới nhất	Trang 5
Khuyến cáo sử dụng	Trang 6



THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Gia	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
FPT	138.90	2.74%	1.36	1.47
VCB	92.70	0.32%	0.40	5.59
LPB	32.30	1.25%	0.25	2.56
EIB	18.70	2.19%	0.19	1.86
BID	46.35	0.22%	0.14	5.70

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VIF	17.40	2.35%	0.10	0.35
KSV	44.90	0.67%	0.04	0.20
PVS	34.00	0.29%	0.03	0.48
HGM	151.10	2.09%	0.03	0.01
SGH	36.00	6.19%	0.02	0.01

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
MSH	47.50	6.98%	0.06	0.50
HHV	10.75	6.97%	0.08	9.46
BMC	21.60	6.93%	0.00	0.44
VRC	8.81	6.92%	0.01	0.15
STG	43.95	6.80%	0.07	0.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
BPC	14.40	9.92%	0.01	0.03
DTC	8.90	9.88%	0.01	0.00
HTC	5.60	9.80%	0.02	0.06
PIA	23.90	9.63%	0.14	0.00
PCT	34.00	8.97%	0.05	0.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VHM	41.90	-1.18%	-0.49	4.11
VIC	40.75	-0.73%	-0.28	3.82
CTG	35.15	-0.42%	-0.19	5.37
GAS	69.30	-0.43%	-0.17	2.34
SSI	24.30	-1.22%	-0.14	1.96

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
DTK	11.40	-5.00%	-0.28	0.68
IDC	54.90	-0.54%	-0.07	0.33
NTP	58.50	-1.18%	-0.06	0.13
BAB	11.70	-0.85%	-0.06	0.90
HUT	15.80	-0.63%	-0.06	0.89

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

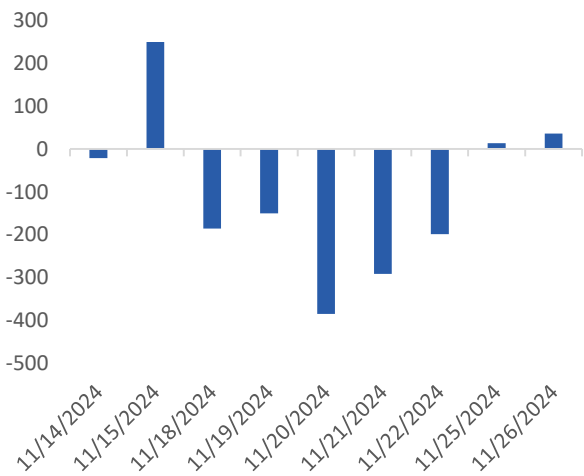
	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
HVN	10.00	-6.98%	-0.01	1.92
HAG	10.75	-6.93%	-0.19	35.41
HHS	8.61	-6.92%	-0.05	3.41
NHA	23.55	-6.92%	-0.02	1.42
DXV	4.59	-6.90%	0.00	0.01

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
DAE	12.80	-9.86%	-0.01	0.00
HMR	21.10	-9.83%	-0.04	0.20
CMS	18.40	-9.80%	-0.17	0.61
TXM	6.50	-9.72%	-0.02	0.04
MCO	12.20	-9.63%	-0.02	0.05

Hình 1

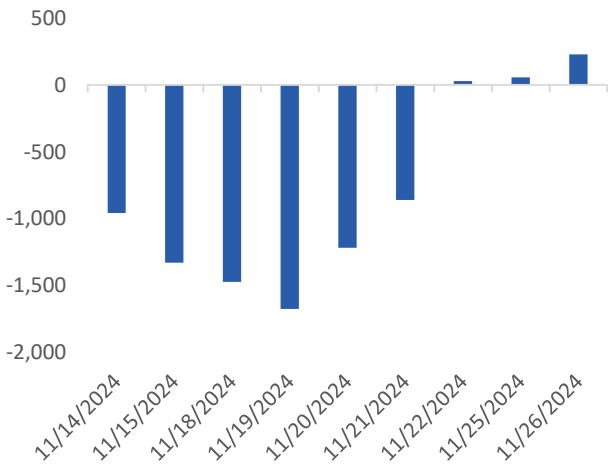
Giao dịch tự doanh



Nguồn: FiinProX, BSC Research

Hình 2

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: FiinProX, BSC Research



Livestream

QUAY SỐ TRÚNG THƯỞNG

14h10 | Thứ Ba hàng tuần | Từ 26.11-24.12.2024
Tại Fanpage và Youtube




Quà Tiền ngò
1 TRIỆU ĐỒNG

Quà thưởng 4K
**AIPOD MAX
IPHONE 16 PRO**

Bản Voucher giá
50K

DANH MỤC BSC30

Mã	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	Giá mục tiêu (VND)	NN sở hữu	Link tải báo báo
VCB	Ngân hàng	92.7	0.30%	0.7	20,390	3.8	6,194	15.0	-	23.2%	Link
BID	Ngân hàng	46.4	0.20%	1.4	10,398	2.2	4,106	11.3	-	17.0%	Link
VPB	Ngân hàng	19.0	0.00%	1.0	5,948	5.2	1,663	11.5	-	25.2%	Link
TCB	Ngân hàng	23.5	-0.20%	1.3	6,516	5.9	3,207	7.3	-	22.2%	Link
MBB	Ngân hàng	24.1	0.00%	1.2	5,033	3.9	4,021	6.0	26,600	23.2%	Link
STB	Ngân hàng	33.2	0.00%	1.4	2,463	6.8	4,640	7.2	-	23.5%	Link
CTG	Ngân hàng	35.2	-0.40%	1.6	7,428	3.8	4,035	8.7	-	296.8%	Link
ACB	Ngân hàng	25.0	0.20%	0.8	4,403	2.7	3,638	6.9	-	30.0%	Link
SSI	Chứng khoán	24.3	-1.20%	1.5	1,876	8.9	1,490	16.3		36.7%	Link
IDC	Xây dựng	54.9	-0.50%	1.0	713	1.5	6,634	8.3	65,700	22.7%	Link
HPG	Xây dựng	26.3	-0.20%	1.0	6,620	8.2	1,905	13.8	41,500	21.8%	Link
HSG	VLXD	18.9	-0.50%	1.6	462	2.5	828	22.8	25,300	10.0%	Link
VHM	BĐS	41.9	-1.20%	0.7	7,180	6.0	4,700	8.9	108,300	11.7%	Link
KDH	BĐS	33.2	-0.20%	1.2	1,319	2.0	522	63.5	44,500	36.8%	Link
NLG	BĐS	37.9	-1.60%	1.2	574	1.7	793	47.8	-	48.0%	Link
DGC	Hóa chất	106.9	0.20%	1.4	1,598	4.6	7,791	13.7	115,000	17.8%	Link
DCM	Phân bón	37.0	-2.90%	0.9	770	13.3	2,917	12.7	38,700	7.0%	Link
GAS	Dầu khí	69.3	-0.40%	0.5	6,389	1.1	4,728	14.7	-	1.8%	Link
PVS	Dầu khí	34.0	0.30%	1.1	640	0.9	1,919	17.7	57,000	20.9%	Link
PVD	Dầu khí	23.5	-1.50%	1.4	514	2.0	1,211	19.4	38,400	10.8%	Link
POW	Dầu khí	12.6	1.60%	0.6	1,157	6.4	597	21.0	17,100	3.7%	Link
VHC	Thủy sản	72.2	0.10%	1.3	638	1.3	3,814	18.9	108,500	28.5%	Link
GMD	Logistics	64.3	-0.90%	0.7	1,048	1.1	4,315	14.9	90,400	36.7%	Link
VNM	Bán lẻ	64.6	-0.30%	0.4	5,313	4.0	4,591	14.1	93,100	51.7%	Link
MSN	Bán lẻ	72.7	0.00%	1.0	4,329	6.4	898	81.0	110,000	23.6%	Link
MWG	Bán lẻ	60.2	0.30%	1.2	3,464	11.7	2,028	29.7	-	46.9%	Link
PNJ	Bán lẻ	93.0	0.20%	1.0	1,237	1.1	5,960	15.6	118,000	49.0%	Link
DGW	Bán lẻ	41.4	1.30%	1.8	354	1.9	1,809	22.9	66,600	22.5%	Link
FPT	Bán lẻ	138.9	2.70%	1.0	8,041	53.6	5,129	27.1	107,900	45.1%	Link
CTR	Hạ tầng	116.7	0.10%	1.5	525	4.0	4,640	25.2	-	9.8%	Link

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE (%)
HDB	Ngân hàng	25.2	0.40%	1.1	2,883	7.0	4,461	5.6	1.5	16.8%	27.8%
VIB	Ngân hàng	18.5	-0.30%	1.1	2,169	3.8	2,412	7.7	1.4	4.2%	21.4%
TPB	Ngân hàng	16.2	0.00%	1.4	1,679	3.1	1,840	8.8	1.2	30.0%	14.2%
MSB	Ngân hàng	11.4	-0.40%	1.1	1,161	1.8	1,687	6.7	0.8	27.6%	14.9%
EIB	Ngân hàng	18.7	2.20%	0.8	1,371	2.3	1,447	12.9	1.4	2.9%	9.9%
HCM	Chứng khoán	28.2	-0.50%	1.8	798	4.3	1,409	20.0	2.0	45.1%	10.6%
VCI	Chứng khoán	33.4	-0.60%	1.5	942	2.9	1,419	23.5	2.2	14.4%	9.6%
VND	Chứng khoán	13.9	-1.10%	1.5	833	2.0	1,503	9.3	1.1	12.3%	15.0%
BSI	Chứng khoán	43.9	-0.70%	1.9	385	0.4	1,732	25.3	2.0	39.9%	9.3%
SHS	Chứng khoán	13.4	0.00%	1.6	429	2.0	1,178	11.4	1.0	3.5%	10.5%
CTD	Xây dựng	65.5	-1.10%	1.4	258	1.0	3,361	19.5	0.8	49.0%	3.6%
HHV	Xây dựng	11.0	-0.90%	1.5	186	0.7	835	13.1	0.5	8.5%	4.4%
LCG	Xây dựng	10.1	-0.50%	1.5	77	0.3	825	12.2	0.8	2.0%	5.7%
SZC	Xây dựng	40.4	-0.90%	1.0	286	2.3	1,572	25.7	2.4	2.7%	12.1%
SIP	Xây dựng	77.0	-1.30%	1.2	638	0.7	5,635	13.7	3.8	3.0%	29.0%
PHR	BĐS KCN	56.8	-0.40%	0.9	303	0.2	2,858	19.9	2.0	18.1%	12.1%
DIG	BĐS	20.6	-0.20%	1.6	493	4.2	135	152.6	1.6	5.1%	1.1%
CEO	BĐS	14.2	-0.70%	1.9	302	0.9	316	45.0	1.3	4.9%	2.1%
KBC	BĐS KCN	28.0	0.50%	1.4	846	5.5	549	51.0	1.2	18.8%	1.7%
VGC	BĐS KCN	41.6	-0.80%	1.2	733	1.1	1,312	31.7	2.2	3.8%	8.2%
GVR	BĐS KCN	31.2	-0.20%	1.6	4,919	1.7	851	36.7	2.4	0.4%	6.5%
NKG	BĐS KCN	19.5	0.30%	1.6	202	1.2	1,736	11.2	0.9	7.2%	7.4%
BMP	Vật liệu	119.0	-1.10%	1.1	383	0.3	12,420	9.6	3.3	84.1%	34.6%
IJC	Hạ tầng	13.4	0.00%	1.3	200	0.4	729	18.4	1.0	4.8%	6.0%
DXG	BĐS	17.4	0.90%	1.4	492	8.0	197	88.0	1.2	18.3%	1.9%
VRE	Bất động sản	18.1	-1.10%	1.2	1,619	2.6	1,795	10.1	1.0	21.0%	11.9%
PDR	Bất động sản	21.3	0.00%	1.7	732	3.5	500	42.6	1.7	7.4%	5.0%
DIG	Bất động sản	20.6	-0.20%	1.6	493	4.2	135	152.6	1.6	5.1%	1.1%
HUT	Xây dựng	15.8	-0.60%	0.8	555	0.4	75	210.2	1.6	1.5%	1.7%
C4G	Xây dựng	7.7	0.00%	1.0	-	0.1	573	13.4	0.7	0.0%	4.8%
CSV	Hóa chất	37.4	0.00%	1.6	163	2.3	2,122	17.6	2.8	2.1%	15.2%
DHC	Hóa chất	34.5	0.00%	1.0	109	0.1	3,330	10.4	1.4	39.3%	13.3%
DRC	Cao su	28.4	1.10%	0.8	133	1.4	2,259	12.6	1.8	9.4%	16.5%
PC1	Điện	22.9	0.00%	1.0	322	0.6	1,511	15.2	1.3	11.2%	6.1%
HDG	BĐS	29.2	2.30%	1.3	386	4.9	2,116	13.8	1.6	18.4%	11.8%
GEX	Điện	18.6	0.00%	1.5	631	3.1	1,207	15.5	1.2	5.8%	7.0%
QTP	Điện	13.9	0.00%	0.6	-	0.0	1,500	9.3	1.2	0.9%	11.2%
PLX	O&G	39.1	-0.40%	0.7	1,955	0.4	2,350	16.6	2.0	17.6%	13.8%
BSR	O&G	19.3	-1.50%	1.1	-	1.3	966	20.0	1.1	0.0%	13.4%
PLC	O&G	20.6	-0.50%	1.3	66	0.1	611	33.7	1.3	0.3%	4.7%
ANV	Thủy sản	18.2	0.60%	1.2	191	0.5	315	57.7	0.8	0.8%	1.2%
PTB	Gỗ	62.0	0.00%	1.1	163	0.3	4,944	12.5	1.5	24.0%	11.9%
VSC	Logistics	16.0	0.00%	1.1	181	1.7	737	21.8	1.1	2.4%	7.3%
HAH	Logistics	47.6	0.10%	0.9	227	3.6	3,571	13.3	1.9	12.3%	10.6%
DBC	Logistics	26.6	0.20%	1.6	350	3.1	1,604	16.6	1.4	7.7%	5.0%
FRT	Bán lẻ	173.6	0.30%	0.8	931	5.1	775	224.1	13.1	37.1%	11.8%
QNS	Bán lẻ	50.9	1.20%	0.5	-	0.6	6,553	7.8	2.0	12.0%	28.7%
TNG	Dệt may	24.8	-0.40%	1.1	120	1.0	2,427	10.2	1.6	17.3%	14.7%
PVT	O&G	26.8	-1.70%	1.0	376	2.8	3,130	8.6	1.3	12.8%	14.2%
DPM	Phân bón	35.5	-2.30%	1.0	547	9.1	1,700	20.9	1.3	8.9%	5.5%
REE	Tiện ích	67.0	0.40%	1.0	1,242	2.6	3,860	17.4	1.7	49.0%	10.0%

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
2	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
3	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 11/2024	x		Click
4	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 10/2024	x		Click
5	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 9/2024	x		Click
6	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 8/2024	x		Click
7	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		Click
8	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 5/2024	x		Click
9	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
10	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click
11	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2024	x		Click
12	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 1/2024	x		Click
13	BSC_Vietnam Macro Market Outlook 2024_VN_Cơ hội vượt lên thách thức		x	Click
14	Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2024		x	Click
15	Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2024		x	Click
16	Vietnam Sector Outlook_VN_1Q2024		x	Click
17	Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2024		x	Click
18	BSC_Báo cáo ngành điện		x	Click
19	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2023	x		Click
20	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2023	x		Click
21	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 09.2023	x		Click
22	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 08.2023	x		Click
23	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 07.2023	x		Click
24	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 06.2023	x		Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán.

Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này.

Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

Phòng Phân tích nghiên cứu

Trần Thăng Long

Trưởng phòng Phân tích nghiên cứu

longtt@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Bùi Nguyên Khoa

Trưởng nhóm phân tích Vĩ mô - thị trường

khoabn@bsc.com.vn

Vũ Việt Anh

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

tungtt@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

anhng@bsc.com.vn

Thông tin liên hệ

Website

<http://www.bsc.com.vn>

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 4, Tầng 9 Tòa nhà President Place

Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings

210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu

hn.ptnc@bsc.com.vn

(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

(+84) 2439264 659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center

i-center@bsc.com.vn

(024) 39264 660